

Số: 29 /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND ngày 25/11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Chương II của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước Hưng Yên; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH^C.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Chương II của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU**

Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã được hưởng 100%

1. Ngân sách cấp tỉnh:

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp tỉnh quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phân địa phương được hưởng theo phân cấp)
- b) Lệ phí môn bài của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- c) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp tỉnh quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh xử lý;
- d) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý;
- đ) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- e) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các cơ sở kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;
- g) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyên nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách cấp tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý;
- h) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;
- i) Thu thuế tài nguyên do cấp tỉnh quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;

k) Các khoản lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu không kể lệ phí trước bạ;

l) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp tỉnh quản lý;

m) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

n) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

o) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

p) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;

r) Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

s) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

t) Thu chuyển nguồn ngân sách của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

2. Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là ngân sách cấp huyện):

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp huyện quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phần địa phương được hưởng theo phân cấp);

b) Lệ phí môn bài của doanh nghiệp ngoài quốc doanh;

c) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp huyện quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện xử lý;

d) Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện quản lý;

đ) Thu thuế tài nguyên do cấp huyện quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;

e) Các khoản lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện thu không kể lệ phí trước bạ;

g) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp huyện quản lý;

h) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

i) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện;

- m) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
- n) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;
- o) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp huyện năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau.

3. Ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã):

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp xã quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phần địa phương được hưởng theo phân cấp);
- b) Lệ phí môn bài của các hộ kinh doanh cá thể;
- c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- d) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp xã quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý;
- đ) Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;
- e) Thu thuế tài nguyên do cấp xã quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;
- g) Các khoản lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện thu theo quy định không kể lệ phí trước bạ;
- h) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp xã quản lý;
- i) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;
- k) Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- l) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- m) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;
- n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách xã theo chế độ quy định;
- o) Thu kết dư ngân sách xã năm trước;
- p) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
- q) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã từ năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

Điều 4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh, huyện, xã

1. Các khoản thu: Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp;
2. Thu khác từ khu vực doanh nghiệp nhà nước;
3. Thuế thu nhập cá nhân;
4. Thuế nhà đất;

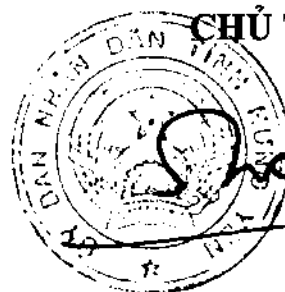
5. Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
6. Tiền sử dụng đất;
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
8. Tiền thuê mặt đất, mặt nước;
9. Lệ phí trước bạ;
10. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần địa phương được hưởng theo phân cấp.
11. Thuế bảo vệ môi trường;
12. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần địa phương được hưởng theo phân cấp.

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã:

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn
1	2	3	4	5	6
...					
5. Thu tiền sử dụng đất					
5.1. Dự án do cấp tỉnh thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích), trong đó:	100%		80%	10%	10%
- Dự án thuộc Khu Đại học Phố Hiến	100%		100%		
- Dự án trên địa bàn các xã, phường thuộc đô thị Mỹ Hào và các xã, phường thuộc thành phố Hưng Yên	100%		30%	50%	20%
5.2. Dự án do cấp huyện, thành phố thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)	100%		10%	80%	10%
5.3. Dự án do xã, thị trấn thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)	100%		10%	10%	80%
5.4. Dự án do phường thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)	100%		10%	50%	40%
5.5. Đối với đất tạo vốn xây dựng CSHT: Các khoản kinh phí bồi thường, GPMB; kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng được trừ từ tiền sử dụng đất, cấp nào thực hiện điều tiết cấp đó 100%					
...					
5.7. Đất ở được giao không đúng thẩm quyền hoặc do lấn chiếm nay đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	100%		10%	10%	80%
...					

9. Thuế tiêu thụ đặc biệt					
9.1. Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%	7%	93%		
9.2. Đối tượng do cấp huyện, thành phố quản lý	100%	7%		93%	
9.3. Đối tượng do cấp xã, phường, thị trấn quản lý	100%	7%			93%
...					
11. Thuế bảo vệ môi trường					
11.1. Đối với mặt hàng xăng, dầu sản xuất trong nước	100%	7%	93%		
11.2. Đối với các nhóm mặt hàng khác					
...					
- Các DN NQD, hộ gia đình, cá nhân do cấp huyện, TP quản lý	100%	7%	47%	46%	
...					
28. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					
28.1. Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp (điều tiết TW 70%)	100%	70%	30%		
28.2. Giấy phép do địa phương cấp (40% điều tiết cho ngân sách huyện nơi có khoáng sản khai thác)	100%		60%	40%	
29. Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước					
29.1. Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp (Điều tiết TW 70%)	100%	70%	30%		
29.2. Giấy phép do địa phương cấp (30% điều tiết cho ngân sách huyện nơi có tài nguyên nước khai thác)	100%		70%	30%	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng